

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2024/HS-ST
Ngày: 08-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Xuân Tuất
- Bà Lê Thị Bích Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Vòng A Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 105/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2024/TB-TA ngày 23/4/2024 đối với bị cáo:

Đỗ Văn D, sinh năm 1996 tại tỉnh Lâm Đồng.

Nơi cư trú: tổ Dân phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn T và bà Doãn Thị V; Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án: Ngày 07/02/2018, bị Tòa án nhân dân huyện quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 (bảy) năm tù giam về tội “Cướp tài sản” theo bản án số 21/2018/HS-ST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/01/2022 tại trại giam T1.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 20/11/2023 và đang bị tạm giam. (Bị cáo có mặt).

- Người làm chứng: Anh Đỗ Tấn L, sinh năm 2001 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn D là đối tượng đang có 01 tiền án về tội ‘Cướp tài sản’, chấp hành án xong ngày 23/01/2022, sau khi về sinh sống tại địa phương tiếp tục sử dụng ma túy từ tháng 9/2023, loại ma túy thường sử dụng là ma túy tổng hợp và H. Vào khoảng 22 giờ ngày 19/11/2023 khi đang ở nhà thì D sử dụng điện thoại di động gọi qua mạng xã hội “Zalo” cho người thanh niên tên “Susu” (không rõ nhân thân lai lịch) hỏi mua ma túy loại Heroin và ma túy tổng hợp, số lượng cụ thể “một nửa chỉ ma túy loại Heroin, 07 viên kẹo, 04 bịch nước vui” với số tiền 6.000.000 đồng. Người thanh niên tên “Susu” đồng ý và hẹn D đến khu vực quán P thuộc ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai để giao ma túy. Sau khi thoả thuận xong, D điều khiển xe mô tô biển số 49N1-161.65 đi từ huyện C, tỉnh Lâm Đồng đến địa điểm đã hẹn tại ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai rồi điện thoại cho người thanh niên tên “Susu” để mua ma túy. D được người thanh niên chỉ dẫn để tiền (6.000.000 đồng) tại một trụ điện và lấy ma túy vì người này đã để sẵn tại trụ điện, D để tiền và lấy 01 gói nylon bên trong: có 01 gói nylon hàn kín chứa 07 viên nén màu vàng, 01 gói nylon hàn kín bên trong có chứa chất màu trắng dạng cục, 02 gói nylon màu cam nhãn hiệu CAMELLA bên trong mỗi gói chứa chất bột và 02 gói nylon hàn kín màu nâu đất nhãn hiệu FERRARI bên trong mỗi gói chứa chất bột. Sau khi mua được ma túy, D bỏ tất cả vào trong túi da đeo trên người, xóa hết các cuộc điện thoại đã gọi với người tên “Susu” rồi điều khiển xe mô tô biển số 49N1-161.65 đi về nhà. Đến khoảng 01 giờ ngày 20/11/2023 khi D đang điều khiển xe mô tô biển số 49N1-161.65 lưu thông trên đường Q đến đoạn thuộc ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai thì bị Lực lượng Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ phối hợp cùng Công an xã H, huyện T chặn xe mô tô do D điều khiển để tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra, Lực lượng Công an phát hiện trong túi da D đeo trên người có gói nylon bên trong có chứa chất ma túy, D khai nhận số ma túy mới mua của đối tượng tên “Susu” mục đích đem về sử dụng. Lực lượng Phòng C Công an tỉnh Đ và Công an xã H, huyện T đã lập hồ sơ phạm tội quả tang cùng vật chứng và chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm:

+ 01 chiếc xe mô tô biển số 49N1-161.65 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên bà Doãn Thị V (là mẹ ruột của bị can D); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo gắn sim 0977.285.286 và 01 căn cước công dân, thu của D.

+ 01 phong bì (đã niêm phong) bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định; 01 túi da màu nâu; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo gắn sim 0989.494.232.

Tại Bản kết luận giám định số: 2596/KL-KTHS ngày 24/11/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận:

+ Mẫu chất màu trắng (ký hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là **ma túy**, có khối lượng **5,4964 gam**, loại **Heroine**.

+ Mẫu 07 viên nén màu vàng (ký hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là **ma túy**, có khối lượng **3,3618 gam**; loại **Methamphetamine**.

+ Mẫu chất bột màu vàng (ký hiệu M31) được niêm phong gửi đến giám định là **ma túy**, có khối lượng **2,4693 gam**, loại **MDMA, Ketamine và N**.

+ Mẫu chất bột màu cam (ký hiệu M32) được niêm phong gửi đến giám định là **ma túy**, có khối lượng **4,2309 gam**, loại **MDMA, Ketamine và N**.

Ngày 28/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Đỗ Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quá trình điều tra Đỗ Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 110/CT-VKS-TB ngày 04/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố bị cáo Đỗ Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” điểm g, n, o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Đối với đối tượng tên “Susu” đã bán ma túy cho bị cáo Đỗ Văn D, do hiện nay chưa xác định được lai lịch nhân thân nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiếp tục xác minh làm rõ có cơ sở xử lý sau.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm g, n, o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Văn D từ 06 (sáu) đến 07 (bảy) năm tù.

Về xử lý vật chứng:

+ Đề nghị Tòa tuyên tịch thu tiêu hủy đối với 01 phong bì (đã niêm phong) bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định; 01 túi da màu nâu;

+ Đề nghị Tòa tuyên tịch thu sung công 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo gắn sim 0989.494.232.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Trong thời gian bị tạm giam bị cáo đã rất hối hận mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc 01 giờ 00 phút ngày 20/11/2023 tại khu vực đường Q, thuộc ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Đỗ Văn D đang tàng trữ trái phép chất ma túy có **tổng khối lượng 15,5584 gam** (trong đó: chất ma túy loại **Heroin** có **khối lượng 5,4964 gam**, chất ma túy loại **Methamphetamine** có **khối lượng 3,3618 gam**, chất ma túy loại **MDMA, Ketamine và N** có **khối lượng 6,7002 gam**) thì bị Lực lượng Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ phối hợp cùng Công an xã H, huyện T phát hiện bắt giữ cùng vật chứng.

[2.1] Hành vi của bị cáo Đỗ Văn D đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g, n, o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng đã truy tố là có căn cứ.

[2.3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy và là một trong những nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm cũng như các tệ nạn xã hội khác. Bản thân bị cáo biết rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy pháp luật nghiêm cấm, nhưng để có ma túy sử dụng nên bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật. Bản thân bị cáo có 01 tiền án về tội “Cướp tài sản” chưa được xóa án tích, nay tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với tính chất rất nguy hiểm. Nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] Đối với số ma túy còn lại sau giám định được chứa trong 01 phong bì niêm phong số: 2596/KL-KTHS ngày 24/11/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ và 01 túi da màu nâu cần tịch thu tiêu hủy.

[5.2] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo gắn sim số 0989.494.232 là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước.

[5.3] Đối với chiếc xe mô tô biển số 49N1-161.65 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên bà Doãn Thị V (là mẹ ruột của bị can D) làm chủ sở hữu, khi bị can D mượn xe mô tô để đi chơi nhưng sau đó điều khiển xe mô tô đi mua ma túy thì bà V không biết; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo gắn sim 0977.285.286 và 01 căn cước công dân, thu của bị cáo D, do không sử dụng vào

mục đích phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về tội danh, về hình phạt, về xử lý vật chứng và án phí phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g, n, o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn D 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được đựng trong 01 phong bì niêm phong số: 2596/KL-KTHS ngày 24/11/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ và 01 túi da màu nâu.

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo gắn sim 0989.494.232.

(Các vật chứng nêu trên đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/04/2024)

3. Về án phí hình sự: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Đỗ Văn D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Bom;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến